

TÍNH MÙA VỤ VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỘNG CỦA LƯỢNG KHÁCH DU LỊCH ĐẾN THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Lệ Hương, Phan Thanh Hoàn

Ngày nhận bài: 20/04/2022

Ngày nhận bản sửa: 12/05/2022

Ngày duyệt đăng: 27/06/2022

Tóm tắt: Ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đã làm cho hoạt động du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế hầu như ngưng trệ từ những tháng đầu năm 2020. Cơ hội cho hoạt động du lịch phục hồi là rất khả quan khi dịch bệnh được kiểm soát tốt. Sử dụng dữ liệu thứ cấp để phân tích tính mùa vụ và sự biến động của lượng khách du lịch, kết hợp với một số nhận định về xu hướng du lịch sau đại dịch Covid 19, bài viết đề xuất 3 nhóm khuyến nghị góp phần tăng cường khả năng thích ứng cho hoạt động đón khách du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

Từ khóa: Khách du lịch; Mùa vụ du lịch; Covid 19; Thừa Thiên Huế.

1. Mở đầu

Từ những tháng đầu năm 2020, trong khó khăn chung của ngành du lịch thế giới, du lịch Việt Nam phải đối mặt với những tổn thất nghiêm trọng do đại dịch Covid 19 gây ra. Riêng với Thừa Thiên Huế (TTH), du lịch gần như ngưng trệ mọi hoạt động, khách du lịch giảm mạnh với khoảng 3,1 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế giảm 1,6 triệu lượt, thiệt hại gần 2.000 tỷ đồng so với năm 2019 (Sở du lịch TTH, 2020). Cùng với sự nỗ lực của Chính phủ trong việc kích cầu du lịch nội địa, TTH đã thực hiện đồng thời nhiều biện pháp như hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động du lịch, áp dụng các chính sách giảm phí tham quan, thực hiện truyền thông tại chỗ thông qua hình ảnh, video clip và thông tin liên quan trên các trang trực tuyến của du lịch như Facebook, Youtube, Tiktok... nhưng với sự chuyển biến phức tạp của dịch bệnh Covid như hiện nay thì kết quả hoạt động du lịch trong thời gian tới khó đạt được như mong đợi.

Kinh nghiệm cho thấy, giống như những tác động tiêu cực đến ngành du lịch do khủng hoảng tài chính năm 1997, 2008 và dịch hội chứng suy hô hấp cấp tính nghiêm trọng (SARS) năm 2003..., đại dịch COVID-19 chỉ gây ra một cú sốc tạm thời cho ngành du lịch, mọi hoạt động du lịch sẽ được phục hồi khi dịch bệnh kiểm soát (Zhang & cs, 2021). Tuy nhiên, do sự không chắc chắn và tính biến động của đại dịch COVID 19, việc

phục hồi du lịch phải bao gồm một quá trình dựa trên các hành động theo từng giai đoạn kế hoạch cho các thị trường tương ứng (World Tourism Cities Federation, 2020).

Tương tự như nhiều quốc gia trên thế giới, để ứng phó với dịch bệnh, Việt Nam chuẩn bị phương án phục hồi du lịch theo các giai đoạn: nới lỏng hạn chế đi lại; thúc đẩy du lịch nội địa; mở lại các đường bay nội địa và quốc tế; thúc đẩy thị trường khách đi lẻ và thị trường khách đoàn số lượng lớn. Hiện nay, khi dịch bệnh Covid 19 đang dần được kiểm soát, bên cạnh việc tiếp tục thực hiện chiến lược kích cầu du lịch nội địa, Chính phủ Việt Nam đã đồng ý cho 5 địa phương là Kiên Giang, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ninh được thí điểm đón khách du lịch quốc tế từ tháng 11.2021 (Văn phòng chính phủ, 2021). Điều này cho thấy, cơ hội khôi phục du lịch Việt Nam trong thời gian tới là rất khả quan. Vì vậy, đổi mới ngành du lịch để Việt Nam có thể đẩy nhanh tốc độ phục hồi sau Đại dịch Covid là nội dung được quan tâm hiện nay (Constantin & cs, 2021).

Trong quá trình phục hồi du lịch, các nhận định xu hướng và dự báo nhu cầu du lịch là rất quan trọng để đưa ra các quyết định hành động phù hợp cho từng giai đoạn phục hồi (World Tourism Cities Federation, 2020). Trong khi các phương pháp dự báo truyền thống về du lịch không còn phù hợp trong giai đoạn khủng hoảng, thì việc kết hợp đặc điểm trong hoạt động du lịch của điểm đến như xu hướng biến động của du khách, tính mùa vụ, đặc trưng hoạt động du lịch... với xu hướng và nhận định về hoạt động du lịch sau dịch Covid là căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch cho quá trình khôi phục du lịch của mỗi điểm đến (Zhang và cs, 2021).

Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo, từ kết quả phân tích đặc điểm mùa vụ và xu hướng biến động lượng khách du lịch đến TTH, kết hợp với nhận định về xu hướng du lịch sau đại dịch Covid 19, tác giả đề xuất một số khuyến nghị về tăng cường khả năng thích ứng cho hoạt động đón khách du lịch của TTH trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Một số khái niệm cơ bản

a. Khách du lịch

Theo Luật du lịch Việt Nam (2017), khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc để nhận thu nhập ở nơi đến. Khách du lịch gồm: *Khách du lịch nội địa* là công dân Việt Nam (VN), người nước ngoài cư trú ở VN đi du lịch trong lãnh thổ VN; *khách du lịch quốc tế đến VN* là người nước ngoài, người VN định cư ở nước ngoài vào VN du lịch; và *khách du lịch ra nước ngoài* là công dân VN và người nước ngoài cư trú ở VN đi du lịch nước ngoài.

Trong phạm vi của bài viết, dữ liệu khách du lịch phục vụ cho phân tích gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế đến VN theo quy định Luật du lịch Việt Nam.

b. Tính mùa vụ và xu hướng biến động lượng khách du lịch

Sự gia tăng nhanh chóng của lượng khách du lịch (KDL) trên toàn thế giới trong 10 năm trở lại đã cho thấy xu thế phát triển ngày càng mạnh mẽ của lĩnh vực du lịch (DL). Cùng với việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm DL và hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm thu hút du khách, các điểm đến đồng thời phải có những biện pháp phù hợp trong hoạt động đón khách, chủ động kiểm soát và quản lý khách DL nhằm đảm bảo cho sự phát triển DL bền vững (Shoval & Isaacson, 2007). Nghiên cứu sự biến động của KDL theo thời gian tại các điểm đến là một trong những cách thức cung cấp các thông tin về đặc điểm của lượng khách đến, tối ưu hóa khả năng hiện thực và cải thiện việc sử dụng các nguồn lực, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và tổ chức các hoạt động DL tại điểm đến một cách hiệu quả (Smallwood & cs 2012; Shao & Zhang, 2017).

Cùng với nghiên cứu xu hướng biến động lượng KDL, tính mùa vụ DL được xem là đặc điểm nổi bật nhất và là một hiện tượng DL toàn cầu được công nhận rộng rãi (Baum & Lundtorp, 2001; Corluka, 2019). Do ảnh hưởng của khí hậu, thời gian rảnh, đặc trưng của sản phẩm DL cùng nhiều yếu tố khách quan và chủ quan... hầu hết các điểm đến đang phải đối mặt với sự tập trung theo mùa trong hoạt động DL. Allcock (1989) khẳng định: tính mùa vụ DL là xu hướng biến động của KDL tập trung cao điểm vào những khoảng thời gian tương đối ngắn (vài tuần hoặc vài tháng) trong năm. Đây có thể là những nguyên nhân dẫn đến sự quá tải, kém hiệu quả trong hoạt động DL và là gánh nặng lớn về nguồn lực vật chất và xã hội mà các điểm đến phải đối mặt hàng năm.

Đối với hoạt động DL tại một điểm đến, nhu cầu KDL đạt đến đỉnh điểm trong vài tuần hoặc vài tháng trong năm, được lặp lại qua nhiều năm, mang tính hệ thống và hình thành quy luật mùa vụ (Cooper & cs, 2005). Đây là hiện tượng mất cân bằng giữa các thời gian trong năm của hoạt động DL, thể hiện qua sự chênh lệch khá lớn về số lượng khách, mức chi tiêu, lưu lượng khách trên các hình thức vận chuyển, cường độ việc làm và tiếp nhận KDL của các điểm tham quan.... Sự dao động lặp đi lặp lại về mối quan hệ cung và cầu DL không khớp nhau theo thời gian tạo ra sự nhàn rỗi hoặc cao điểm của hoạt động DL hàng năm. Chính vì vậy, tính mùa vụ DL sẽ ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh của các hoạt động cung - cầu DL như: giá cả, công suất phòng, nguồn nhân lực, khối lượng dịch vụ cung ứng, các hoạt động và các điểm tham quan sẵn có (Corluka, 2019).

Đối với mỗi điểm đến, thường gắn với những loại hình DL đặc trưng (DL biển, DL sinh thái, DL di sản...) đồng thời bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác nhau (khí hậu, thể chế, thời gian rảnh rỗi...) nên tính mùa vụ trong DL diễn ra khác nhau. Thực tế cho thấy, nghiên cứu tính mùa vụ DL được thực hiện cho nhiều điểm đến nhưng các biện pháp đề xuất về các ứng xử phù hợp nhằm chống lại hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực của chúng thường khó đạt được kết quả như mong đợi. Tuy nhiên, phân tích quy luật mùa vụ và biến động lượng KDL theo thời gian luôn là một nội dung trọng tâm mà các điểm đến cần thực hiện để chủ động với hoạt động DL của mình (Corluka.G, 2019).

2.2. Đo lường tính mùa vụ và xu hướng biến động khách du lịch theo thời gian

a. Đo lường tính mùa vụ du lịch

Tính mùa vụ là một đặc điểm nổi bật nhưng khó loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của nó trong hoạt động DL. Để giải quyết tính mùa vụ DL, điều quan trọng là phải nhận diện được nó. Xác định mùa vụ DL được xem như một tiêu chuẩn của ngành, các điểm đến dựa vào đó để vận dụng các biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu hạn chế do tính mùa vụ mang lại và gia tăng sự chủ động của điểm đến (Baum & Lundtorp, 2001).

Thực hiện đo lường mùa vụ DL, cần phân biệt rõ ràng với những thay đổi của hiện tượng nghiên cứu trong chuỗi thời gian như: tính xu hướng, sự biến động theo chu kỳ, biến động do yếu tố ngẫu nhiên (Corluka.G, 2019). Để đo lường tính mùa vụ DL, dữ liệu của dãy số thời gian được thu thập theo tháng hoặc quý qua các năm. Trong phạm vi nghiên cứu của bài báo, tính mùa vụ của KDL được đo lường theo tháng.

Công thức:
$$S_t = \frac{\sum y_t}{n}$$

Trong đó: S_t : Chỉ số thời vụ tháng t ($t = \overline{1,12}$)

y_t : Lượng khách tháng t

\bar{y} : lượng khách trung bình trượt trung tâm

n : số mức độ (năm)

Đối với kết quả chỉ số mùa vụ theo tháng, những tháng có chỉ số mùa vụ $S_t > 1,0$ (100%) thể hiện sự ảnh hưởng của các yếu tố mùa làm lượng KDL tại điểm đến cao hơn mức trung bình (1 hoặc 100%), gọi là mùa cao điểm và ngược lại, những tháng có chỉ số mùa vụ $S_t < 1,0$ (100%) thể hiện lượng khách du lịch tại điểm đến thấp hơn mức trung bình, gọi là mùa thấp điểm (Lim và McAleer, 2001).

b. Đo lường xu hướng biến động lượng khách du lịch có khử yếu tố mùa vụ

Các thành phần của một chuỗi thời gian gồm: xu hướng (T_t), chu kỳ (C_t), mùa (S_t) và bất thường (I_t). Trong thực tế, thành phần chu kỳ (C_t) thường được xác định thông qua

chuỗi thời gian dài (≥ 10 năm). Để ước lượng thành phần này, việc thu thập dữ liệu gặp khó khăn và sử dụng chuỗi thời gian dài có thể làm ảnh hưởng đến xu hướng của hiện tượng. Do đó, mô hình nhân gồm 3 thành phần được sử dụng (Anderson & cs, 2011).

Công thức:
$$Y_t = T_t \times S_t \times I_t$$

Phân tích xu hướng biến động lượng KDL theo thời gian có như yếu tố mùa vụ theo các bước: Tính chỉ số mùa (S_t); Tính lượng KDL biến động theo thời gian đã khử mùa ($\frac{y_t}{S_t}$); và dùng chuỗi thời gian đã khử mùa để nhận diện xu hướng biến động KDL.

Phương trình xu thế tuyến tính:
$$T_t = b_0 + b_1 t$$

Trong đó: T_t : KDL theo chuỗi thời gian đã khử mùa ở kỳ t
 b_0 : Tung độ gốc của đường xu hướng (hệ số chặn)
 b_1 : độ dốc của đường xu hướng
 t : thời gian ($t = 1 \dots n$)

2.3. Nhận định xu hướng du lịch Việt Nam sau đại dịch Covid 19

Covid-19 xảy ra từ những tháng đầu năm 2020 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và ngành DL không phải là trường hợp ngoại lệ. So với năm 2019, trong năm 2020 khách quốc tế đến Việt Nam chỉ đạt 3,8 triệu lượt khách, giảm 78,7%; doanh thu từ hoạt động lữ hành giảm 59,5%. Mặc dù đối mặt với những khủng hoảng nhưng DL thế giới và DL Việt Nam sẽ phục hồi sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2020). Do đó, nắm bắt xu hướng và nhận định về DL sau đại dịch sẽ giúp các điểm đến thích ứng với bối cảnh mới và chủ động với hoạt động của mình.

Theo Traveloka (2020), dự đoán 4 xu hướng du lịch bùng nổ hậu Covid gồm:

Thứ nhất, xu hướng DL không chạm: nghĩa là mọi thông tin sẽ được cập nhật trên hệ thống công nghệ hiện đại. Chẳng hạn, các quy trình tại quầy làm thủ tục, lễ tân sẽ được tự động hóa (check in điện tử, thanh toán điện tử, khai báo hải quan điện tử, nhận dạng khuôn mặt...); trên máy bay, tại các điểm đến DL, các nhà hàng, khách sạn... sử dụng thiết bị không chạm như vòi nước cảm ứng, cửa đóng/mở tự động... Tất cả sẽ giúp hoạt động DL trở nên an toàn và tiện lợi hơn. Xu hướng này, thực chất là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và Internet trong lĩnh vực DL (Trần Doãn Cường, 2021).

Thứ hai, xu hướng DL tại chỗ (Staycation): là loại hình DL trong phạm vi gần, trải nghiệm DL ngay tại địa phương. Với hình thức DL này, hạn chế được nguy cơ lây lan dịch bệnh, tiết kiệm đáng kể chi phí và khám phá những nhiều điều thú vị ngay gần bên.

Thứ ba, DL chăm sóc sức khỏe lên ngôi. Mục đích cốt lõi của DL chăm sóc sức khỏe (thiền, tập yoga, dưỡng sinh...) chính là phục hồi thể chất và tái tạo tinh thần.

Thứ tư, Du lịch hướng tới những nơi cô lập và ít được biết đến. Để an toàn khi dịch Covid 19 chưa được kiểm soát, xu hướng tìm đến những vùng đất hoang sơ, những nơi có tính chất cô lập gia tăng. Chẳng hạn: vùng nông thôn yên tĩnh, điểm nghỉ dưỡng ở vùng núi cao, những hòn đảo hay bãi biển chưa được khai thác DL...

Ngoài 4 xu hướng DL trên, Trần Doãn Cường (2021) và Constantin & cs (2021) đã có thêm một số nhận định cho du lịch Việt Nam như sau:

Thứ nhất, Xu hướng DL điếm đến an toàn, thân thiện tiếp tục được duy trì, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19, điếm đến an toàn, kiểm soát được dịch bệnh chính là lựa chọn hàng đầu của du khách.

Thứ hai, Xu hướng DL dịch chuyển từ nhu cầu DL quốc tế sang nhu cầu DL nội địa. Constantin & cs (2021) khẳng định: trong khi viễn cảnh phục hồi trở về trạng thái trước COVID -19 có vẻ như rất xa vời, thì ngành DL có thể dựa vào các hoạt động trong nước để phục hồi trong ngắn hạn. Năm 2019, du khách Việt Nam chi 15,5 tỷ USD, nhưng có đến 5,9 tỷ USD trong số đó dịch chuyển ra nước ngoài. Giờ đây, phần lớn du khách sẽ đi DL trong nước. Vì vậy, đây là cơ hội để các công ty lữ hành khai thác được giá trị này.

Thứ ba, Xu hướng DL quốc tế bằng hộ chiếu Vaccine. Chung quan điếm này, Constantin & cs (2021) cho rằng, du khách quốc tế đến Việt Nam sau phục hồi dự kiến là từ các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan, Malaysia.

Từ xu hướng và nhận định trên, có thể tóm lược 5 điếm cần thực hiện để DL Việt Nam có thể nhanh chóng phục hồi trạng thái hoạt động hậu Covid gồm: Điếm đến an toàn, thân thiện; phát triển DL sau Covid 19 dựa vào khách nội địa; DL không chạm; DL chăm sóc sức khỏe và DL tại chỗ (Staycation); và DL quốc tế bằng hộ chiếu Vaccine.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng dữ liệu thứ cấp thu thập từ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh du lịch của Sở Du Lịch Thừa Thiên Huế từ năm 2015 – 2020, báo cáo tình hình KDL của Tổng cục du lịch Việt Nam và thông tin trên Website liên quan đến nội dung nghiên cứu.

Phương pháp phân tích dữ liệu gồm: thống kê mô tả (số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân, đồ thị...) để tóm tắt các dữ liệu nghiên cứu; phương pháp dãy số thời gian để so sánh biến động lượng khách; phương pháp tính chỉ số mùa vụ, hàm xu thế tuyến tính để phân tích xu hướng biến động lượng khách theo thời gian và một số phương pháp khác... Dữ liệu được xử lý trên Excel và SPSS 22.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tình hình khách du lịch đến Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 – 2019

Trong giai đoạn 2015 – 2019, du lịch TTH đã có những thay đổi tích cực như: cơ sở hạ tầng ngày càng được hoàn thiện, cơ sở lưu trú tăng về số lượng lẫn chất lượng, các hoạt động vui chơi giải trí đã được chú trọng, hoạt động xúc tiến và quảng bá du lịch được đẩy mạnh trong và ngoài nước, quy hoạch về không gian du lịch trên địa bàn thành phố Huế đã có nhiều thay đổi tích cực tạo nên diện mạo và sức hấp dẫn mới cho người dân và du khách... Do đó, hoạt động du lịch đạt được những kết quả đáng kể.

Bảng 1 cho thấy, lượng KDL đến TTH liên tục tăng từ 3125,5 nghìn lượt khách năm 2015 lên đến 4819,6 nghìn lượt khách năm 2019 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11,4%/năm tương ứng với 423,5 nghìn lượt khách/năm. Trong đó, KDL quốc tế tăng nhanh với 21%/năm tương ứng 291,5 nghìn lượt khách/năm và khách nội địa tăng 5,8%/năm tương ứng với 132 nghìn lượt khách/năm.

Bảng 1. Tình hình khách du lịch đến Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 – 2019

(Đvt: 1000 lượt khách)

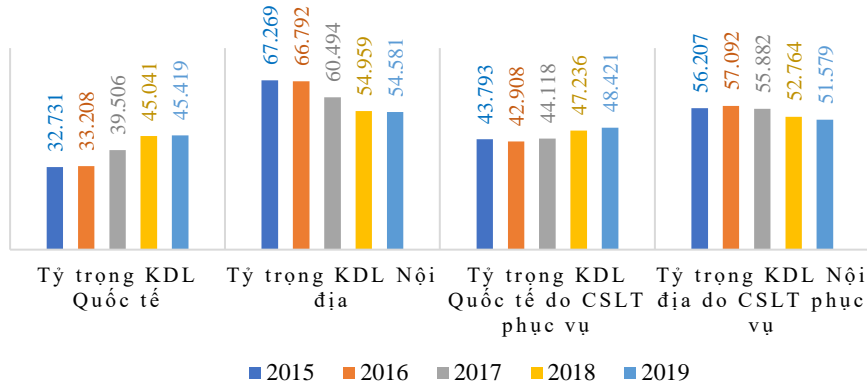
Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019	$\bar{A}_{(15-19)}$	$\bar{T}_{(15-19)}$
1. Tổng KDL	3125,5	3253,6	3800,0	4332,7	4819,6	423,5	111,4
- KDL Quốc tế	1023,0	1080,5	1501,2	1951,5	2189,0	291,5	121,0
- KDL Nội địa	2102,5	2173,2	2298,8	2381,2	2630,6	132,0	105,8
2. Khách do CSLT phục vụ	1777,1	1743,8	1847,9	2094,6	2241,6	116,1	106,0
- KDL Quốc tế	778,2	748,2	815,2	989,4	1085,4	76,8	108,7
- KDL Nội địa	998,9	995,6	1032,6	1105,2	1156,2	39,3	103,7
3. Khách do CSLT phục vụ/Tổng KDL (%)	56,9	53,6	48,6	48,3	46,5	-	-
- KDL Quốc tế	76,1	69,3	54,3	50,7	49,6	-	-
- KDL Nội địa	47,5	45,8	44,9	46,4	44,0	-	-

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Sở Du lịch TTH (2015 – 2019)

Ghi chú: \bar{A} : lượng tăng (giảm) tuyệt đối bình quân; \bar{T} : tốc độ phát triển bình quân (%)

Về lượng khách do CSLT phục vụ, có xu hướng giảm từ 56,9% đến 46,5% từ năm 2015 – 2019 cho cả khách quốc tế và khách nội địa. Về lượng khách lưu trú, tính riêng năm 2016, do ảnh hưởng ô nhiễm môi trường biển ở các tỉnh miền trung từ tháng 4 nên có sự ảnh hưởng nhất định đến lượng khách này, cụ thể giảm 33,3 nghìn lượt khách tương

ứng giảm 1,87% so với năm 2015. Các năm còn lại, lượng khách tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 6%/năm tương ứng với 116,1 nghìn lượt khách/năm.

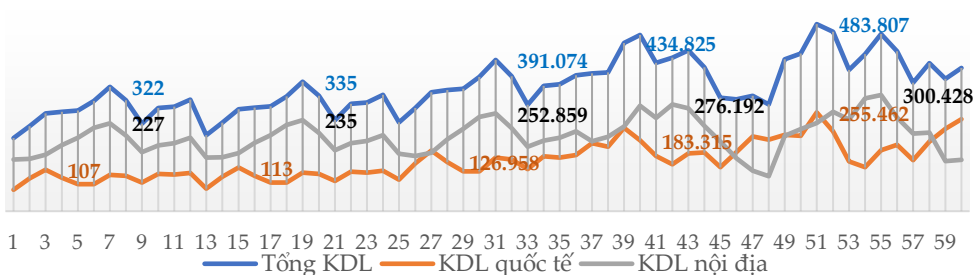


Hình 1. Cơ cấu khách du lịch đến Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015 – 2019 (Đvt: %)

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Sở Du lịch TTH (2015 – 2019)

Cùng với sự gia tăng của KDL qua các năm, cơ cấu nguồn khách đến TTH có sự thay đổi rõ nét. Hình 1 thể hiện, giai đoạn 2015 – 2019, tỷ trọng khách quốc tế tăng đều từ 33% lên đến 45% và tỷ trọng khách quốc tế do cơ sở lưu trú phục vụ cũng tăng từ 44% - 48%. Một trong những nguyên nhân là do Việt Nam áp dụng chính sách miễn visa đối với một số quốc gia, vì vậy tạo nên sự tăng trưởng khá mạnh về lượng KDL đến từ châu Âu và một số nước Châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... Riêng với TTH, lượng khách quốc tế tập trung vào một số thị trường truyền thống như: Thái Lan (13%), Pháp (7,7%), Anh (5,8%), Mỹ (5,5%), Đức (4,6%)... đặc biệt, năm 2019 Hàn Quốc dẫn đầu về thị phần khách quốc tế với 28% trong tổng khách quốc tế đến TTH (Sở du lịch TTH, 2019). Sau dịch Covid 19, Hàn Quốc vẫn được nhận định sẽ là lượng khách trở lại du lịch Huế mạnh mẽ vào khoảng nửa cuối năm 2022 (Sở du lịch TTH, 2020).

4.2. Chỉ số mùa vụ của khách du lịch đến Thừa Thiên Huế



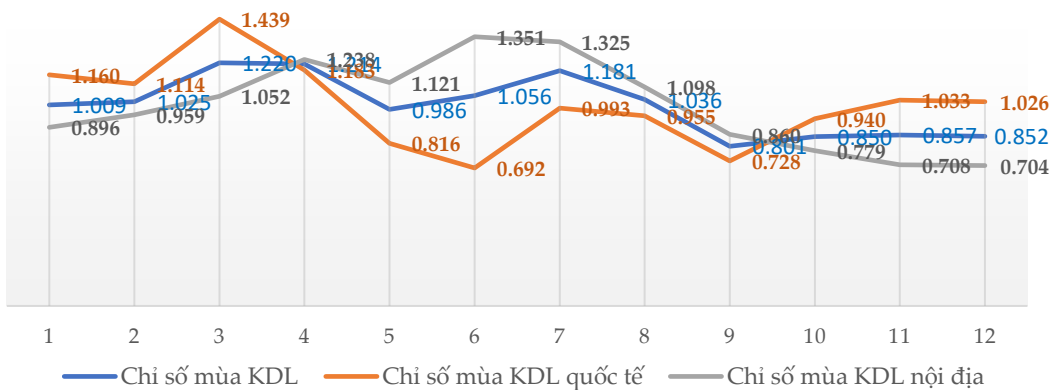
Hình 2. Khách du lịch đến TTH theo tháng từ năm 2015 – 2019 (Đvt: 1000 lượt khách)

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của Sở Du lịch TTH (2015 – 2019)

Quan sát lượng KDL đến TTH qua các tháng từ năm 2015 – 2019 cho thấy có sự biến động tập trung vào một số tháng nhất định và có xu hướng tăng rõ rệt (Hình 2). Cụ

thể, tổng KDL tăng mạnh ở tháng 7, khách quốc tế tăng nhanh vào tháng 3, khách nội địa tập trung vào tháng 7 và 8. Sự biến động này được lặp đi lặp lại trong 5 năm từ 2015 – 2019 chứng tỏ có yếu tố mùa khá rõ nét trong hoạt động du lịch của tỉnh TTH.

Kết quả phân tích chỉ số mùa về lượng KDL đến TTH ở Hình 3 thể hiện: tổng KDL đến TTH đạt và cao hơn mức trung bình rải đều từ tháng 1 đến tháng 8 hàng năm, trong đó mùa cao điểm tập trung ở các tháng 3, 4 và 7. Xem xét theo nguồn khách, khách DL quốc tế đến TTH lớn hơn mức trung bình từ tháng 11 và kéo dài đến tháng 4 năm sau, mùa cao điểm nhất là từ tháng 1 đến tháng 3 hàng năm; trong khi đó, mùa cao điểm của khách DL nội địa bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm, đỉnh điểm tập trung vào tháng 6 và tháng 7 với chỉ số mùa đạt trên 1,3.



Hình 3. Chỉ số mùa của khách du lịch đến Thừa Thiên Huế (Đvt: lần)

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả, 2021

Tham chiếu với lượng KDL nội địa đến TTH năm 2020, mặc dù chịu sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nhưng số lượng khách lớn nhất trong năm vẫn tập trung vào tháng 6 với 124.298 lượt khách và tháng 7 là 188.578 lượt khách. Như vậy, kết quả phân tích mùa vụ du lịch đối với khách DL nội địa có ý nghĩa trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động cho du lịch TTH trong giai đoạn hồi phục sau đại dịch Covid 19.

4.3. Xu thế biến động lượng khách du lịch đến Thừa Thiên Huế

Sau khi xác định chỉ số mùa của KDL đến TTH, lấy số lượng khách từng tháng trong 5 năm chia cho chỉ số mùa tương ứng, ta có lượng KDL đã khử mùa. Sử dụng lượng khách này của chuỗi thời gian gồm 60 mức độ (12 tháng x 5 năm) để xây dựng hàm xu thế về lượng khách theo các tháng.

Sử dụng tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá hàm xu thế biểu hiện biến động của KDL đến TTH theo thời gian, kết quả Bảng 2 cho thấy:

Bảng 2. Nhận diện xu hướng khách du lịch đến Thừa Thiên Huế sau khi khử mùa

Chỉ tiêu	Hàm xu thế	R ² (%)	Giá trị F (*)
1. Tổng KDL	$T_{KDL} = 224,492 + 3,227*t$	72,1	150,096
2. KDL Quốc tế	$T_{QT} = 61,953 + 2,225*t$	86,3	365,907
3. KDL nội địa	$T_{ND} = 167,975 + 0,865*t$	45,2	101,265

Ghi chú: (*) Sig < 0,05

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả, 2021

Hàm xu thế biểu hiện sự biến động tổng lượng KDL và KDL quốc tế theo thời gian phù hợp với dữ liệu nghiên cứu, thể hiện qua hệ số xác định (R²) lần lượt là 72,1% và 86,3%. Trong khi đó, mức độ phù hợp của dữ liệu đối với hàm xu thế biểu hiện sự biến động khách DL nội địa theo thời gian chỉ đạt 45,2%. Đối với kết quả kiểm định mô hình (F), cả 3 mô hình nghiên cứu đối với tổng lượng KDL, khách quốc tế và khách nội địa đều có ý nghĩa thống kê (Sig < 0,05).

Kết quả phân tích hàm xu thế sau khi loại bỏ yếu tố mùa thể hiện: lượng KDL đến TTH tăng qua các tháng, cụ thể: trung bình tổng KDL tăng 3227 lượt khách, khách DL quốc tế tăng 2.225 lượt khách và khách DL nội địa tăng 865 lượt khách.

4.4. Khuyến nghị

Kết quả phân tích chỉ số mùa và xu thế biến động của KDL đến TTH sau khi loại bỏ chỉ số mùa cho thấy: tính mùa vụ DL của tổng KDL, khách DL quốc tế và khách DL nội địa có sự khác biệt đáng kể giữa các tháng trong năm. Trong điều kiện không có ảnh hưởng của các yếu tố bất thường, hàm xu thế thể hiện xu hướng gia tăng lượng KDL theo thời gian là khác nhau đối với từng loại khách. Kết hợp với nhận định về xu hướng DL sau dịch bệnh Covid, bài viết đề xuất một số khuyến nghị góp phần tăng cường khả năng thích ứng hoạt động của DL TTH trong thời gian tới như sau:

Thứ nhất, Nắm bắt mùa vụ DL của từng loại khách, kết hợp xu hướng phát triển DL dựa vào khách nội địa trong giai đoạn ngắn, sẵn sàng đón KDL quốc tế khi hộ chiếu Vaccine được thông qua để khai thác các sản phẩm DL phù hợp với bối cảnh mới.

- Thu hút KDL nội địa là xu hướng và là chủ trương của ngành để phục hồi hoạt động DL trong thời gian trước mắt. Đối với TTH, mùa cao điểm của khách nội địa bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 8 hàng năm, đỉnh điểm tập trung vào tháng 6 và tháng 7. Với đặc điểm mùa vụ của khách nội địa, tiếp tục khai thác các sản phẩm DL truyền thống, đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm DL chăm sóc sức khỏe dựa trên nguồn lực sẵn có như suối khoáng nóng, khoáng lưu huỳnh, đằm, hồ, suối, thác, biển ...; tăng cường các điểm DL ngoài trời để du khách có thể tận hưởng ánh nắng, bãi biển, núi non và thiên nhiên; đồng thời khai thác hoạt động DL tại chỗ (Staycation) như DL sinh thái, DL nghỉ

dưỡng, khám phá... ngay tại các huyện trên địa bàn tỉnh TTH; chú trọng khai thác khách địa phương với các chính sách ưu đãi về giá.

- Đối với DL quốc tế, Constantin & cs (2021) nhận định, du khách quốc tế đầu tiên đến Việt Nam sau phục hồi dự kiến sẽ là từ các nước Châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan và Malaysia. Đây cũng chính là thị trường khách quốc tế chủ yếu của TTH từ năm 2015 - 2019, trong đó khách Hàn Quốc đang là thị trường khách quốc tế dẫn đầu tại TTH. Điều này cho thấy, đây là cơ hội đón khách quốc tế của TTH sau phục hồi từ đại dịch Covid. Với đặc điểm mùa cao điểm của KDL quốc tế có tính liên tục, bắt đầu từ tháng 11, 12 và kéo dài đến tháng 4 năm sau. Phần lớn thời gian này là mùa mưa lạnh nhưng tập trung nhiều lễ hội truyền thống của TTH. Do đó, khôi phục và tổ chức lễ hội truyền thống cần được chú trọng, đồng thời phân bố thời gian và địa điểm tổ chức phù hợp để thu hút và kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

Thứ hai, Với viễn cảnh phục hồi DL sau dịch bệnh Covid, lượng KDL tại điểm đến TTH sẽ tăng dần là xu hướng đã được dự báo chung cho ngành du lịch Việt Nam. Do đó, để chủ động với hoạt động đón khách, TTH cần:

- Phát huy hình ảnh “điểm đến an toàn, thân thiện” của TTH qua các giai đoạn bùng phát của dịch bệnh Covid năm 2020 và 2021 để xác lập lợi thế trong hoạt động DL.

Zhang & cs (2021) cho rằng, việc xây dựng thương hiệu cho hình ảnh điểm đến là một yếu tố quan trọng của thị trường DL nội địa trong giai đoạn hồi phục ngắn hạn. Zenker & Kock (2020) chỉ ra, nhận thức của KDL về sự an toàn, sức khỏe, cơ sở hạ tầng, các sự kiện DL đại chúng... bị ảnh hưởng bởi COVID-19 có thể có khả năng tạo ra nhận thức tiêu cực về hình ảnh điểm đến. Để khôi phục và củng cố niềm tin của du khách, phương tiện thông tin đại chúng đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy giao tiếp giữa điểm đến và KDL tiềm năng, giúp du khách hình dung về một điểm đến, đồng thời thúc đẩy nhận thức tích cực của công chúng về các điểm du lịch (Ritchie & Jiang, 2019). Do đó, cần đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá, trao gửi thông điệp về một điểm đến an toàn, thân thiện trên nhiều kênh thông tin nhằm tạo niềm tin và thúc đẩy giao tiếp giữa điểm đến du lịch TTH với du khách trong và ngoài nước, góp phần tăng cường sự lựa chọn của du khách ngay khi du lịch phục hồi.

- Đẩy mạnh “Du lịch không chạm” bằng cách tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, Internet trong lĩnh vực du lịch.

Hiện nay, du lịch TTH nói riêng đang thực hiện “đi trước và đón đầu” các lợi thế về công nghệ thông tin (CNTT) ứng dụng vào lĩnh vực DL, cụ thể: xây dựng Website của

điểm đến và của các đơn vị lữ hành trong và ngoài nước; xây dựng Website tiếng Anh, Nhật; đẩy mạnh ứng dụng, quảng bá qua các trang mạng xã hội có uy tín như Tripadvisor, Angoda, Booking.com, Traveloka, Ivivu... và các diễn đàn du lịch trên trang mạng xã hội có uy tín... để tạo ra những tiện ích cho du khách (Sở du lịch TTH, 2019). Cơ hội ứng dụng mạnh mẽ hơn thành tựu CNTT trong lĩnh vực DL của TTH trong thời gian tới còn được thể hiện qua chủ trương của tỉnh về phát triển ngành công nghiệp CNTT năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2020). Từ đó cho thấy, các điều kiện để đẩy mạnh khả năng ứng dụng CNTT, trí tuệ nhân tạo, Internet trong lĩnh vực DL tại TTH đã sẵn sàng. Vì vậy, cần xây dựng kế hoạch chi tiết và sự đầu tư đúng mức, đồng bộ để du lịch TTH có thể đón đầu xu hướng “du lịch không chạm”, phục vụ cho hoạt động du lịch của tỉnh.

Thứ ba, Chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, vật lực và chính sách phù hợp để đón KDL ngay khi phục hồi sau dịch Covid.

Xu hướng du khách phục hồi và gia tăng khi dịch bệnh được kiểm soát là tất yếu. Với đặc điểm mùa vụ của tổng KDL đến TTH kéo dài liên tục từ tháng 1 đến tháng 8 hàng năm cho thấy hoạt động du lịch TTH tương đối ổn định. Khi dịch bệnh Covid qua đi, DL trở lại trạng thái bình thường và sẽ không có thay đổi về tính mùa vụ. Do đó, để sẵn sàng cho các hoạt động đón khách, TTH cần:

- Kích cầu DL nội địa trong giai đoạn đầu của quá trình phục hồi du lịch cần chú trọng đến những sản phẩm dịch vụ phù hợp khả năng chi trả của khách (lưu trú, tham quan, ăn uống); duy trì các sản phẩm và trải nghiệm DL chất lượng cao; cân nhắc mô hình giá mới để thu hút số lượng KDL...

- Các công ty lữ hành, khách sạn và các dịch vụ khác cần liên kết để cung cấp dịch vụ trọn gói từ vé máy bay, tàu, xe... đến nơi lưu trú nhằm đảm bảo nguồn thu cũng như sự thuận tiện của du khách và quản lý du khách trong bối cảnh dịch bệnh.

- Chú trọng sự an toàn, các chính sách bảo hiểm và sự linh hoạt trong cung ứng sản phẩm cho KDL, cụ thể: thống nhất đồng bộ ứng dụng kiểm soát dịch bệnh (bằng mã quét) cho tất cả du khách trên toàn lãnh thổ Việt Nam; cung ứng bảo hiểm dịch bệnh (không bắt buộc) đối với du khách có yêu cầu; có quy định về hủy hoạt động du lịch, thời gian hoàn trả chi phí du lịch đặt trước, khả năng chuyển đổi hình thức, địa điểm du lịch trong điều kiện liên quan đến dịch bệnh nhằm tạo sự an tâm và tin tưởng cho du khách.

5. Kết luận

Thừa Thiên Huế là điểm đến du lịch nổi tiếng của Việt Nam, hàng năm thu hút lượng du khách trong và ngoài nước khá lớn đến thăm viếng. Tuy nhiên, từ những tháng

đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên hoạt động du lịch hầu như ngưng trệ. Để chủ động với hoạt động du lịch trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch Covid, trên cơ sở phân tích tình mùa vụ và xu hướng biến động lượng khách du lịch đến TTH, kết hợp với nhận định về xu hướng du lịch sau dịch bệnh Covid, bài viết đề xuất 3 khuyến nghị về tăng cường khả năng thích ứng hoạt động đón khách du lịch của tỉnh Thừa Thiên Huế gồm: tiếp tục phát huy “điểm đến an toàn, thân thiện” và đẩy mạnh ứng dụng xu hướng “Du lịch không chạm”; Nắm bắt đặc điểm mùa vụ du lịch của từng loại khách, kết hợp xu hướng phát triển du lịch dựa vào khách nội địa trong giai đoạn ngắn, sẵn sàng đón khách du lịch quốc tế khi hộ chiếu Vaccine được thông qua để khai thác các sản phẩm du lịch phù hợp với bối cảnh mới; Chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, vật lực và chính sách du lịch phù hợp để đón khách du lịch ngay khi phục hồi hoạt động du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Allcock, J. B. (1989), Seasonality, In Witt, S. F. and Moutinho, L. (eds), *Tourism Marketing and Management Handbook*, London, Prentice Hall, 387-392.

Baum, T., Lundtorp S. (2001), *Seasonality in Tourism*, Pergamon, Oxford, UK.

Bộ Thông tin và Truyền thông (2018), *Báo cáo tóm tắt chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT Việt Nam năm 2018 - Vietnam ICT Index 2018*, Hà Nội.

Cooper, C., Flechter, J., Fyall, A., Gilbert, D., Wanhill, S. (2005), *Tourism Principles and Practice*, (3re ed.), Pearson Education.

David R.Anderson, Dennis J. Sweeney, Thomas A. Williams (2011), *Statistics for business and Economics, 11th edition*, South – Western Cengage Learning.

Goran Corluka (2019), Tourism seasonality – An overview, *Journal of Business Paradigms*, Vol 4 No 1, 2019, 21- 43.

Hanyuan Zhang, Haiyan Song, Long Wen, Chang Liu (2021), *Forecasting tourism recovery amid COVID-19*, University of Nottingham Ningbo China, First published 2021, pp 1- 32. The work is licenced to the University of Nottingham Ningbo China under the Global University Publication Licence: <https://www.nottingham.edu.cn/en/library/documents/research/global-university-publications-licence-2.0.pdf>

<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/du-lich-nam-2020-lao-dao-vi-covid-19/>.

Lim, C., McAleer, M. (2001), Monthly seasonal variations — Asian tourism to Australia, *Annals of Tourism Research* 28(1): 68–82. [https://doi.org/10.1016/s0160-7383\(00\)00002-5](https://doi.org/10.1016/s0160-7383(00)00002-5).

Margaux Constantin, Matthieu Francois và Thao Le (2021), Đới mới ngành du lịch: Việt Nam có thể đẩy nhanh tốc độ phục hồi như thế nào, *McKinsey & Company*, Tháng 3/2021, 1- 8.

Quốc hội Việt Nam (2017), *Luật du lịch Việt Nam*, Hà Nội.

Ritchie, B., & Jiang, Y. (2019), A review of research on tourism risk, crisis and disaster management: Launching the annals of tourism research curated collection on tourism risk, crisis and disaster management, *Annals of Tourism Research*, 79, 102812.

Shao, H.; Zhang, Y.; Li, W. (2017), Extraction and analysis of city's tourism districts based on social media data, *Comput. Environ. Urban Syst.* 2017, 65, 66–78.

Shoval, N.; Isaacson, M. (2007), Tracking tourists in the digital age, *Ann. Tour. Res.* 2007, 34, 141–159.

Smallwood, C.B.; Beckley, L.E.; Moore, S.A (2012), An analysis of visitor movement patterns using travel networks in a large marine park, north-western Australia, *Tour. Manag.* 2012, 33, 517–528.

Sở du lịch TTH (2015 – 2020), *Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2015 – 2020*, Thừa Thiên Huế.

Tổng cục Thống kê Việt Nam (2020), *Du lịch năm 2020 lao đao vì COVID-19*.

Trần Doãn Cường, (2021), Nhận định một số xu hướng trong thời gian tới đối với ngành du lịch Việt Nam, *Viện nghiên cứu và phát triển du lịch Việt Nam (ITDR)*. http://itdr.org.vn/ngghien_cuu/nhan-dinh-mot-so-xu-huong-trong-thoi-gian-toi-doi-voi-nganh-du-lich-viet-nam/

Traveloka (2021), <https://www.traveloka.com/vi-vn/explore/tips/xu-huong-du-lich-sau-covid/88435>

UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (2020), *Kế hoạch số 20/KH-UBND về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2020*, Ban hành ngày 3/2/2020.

Văn phòng chính phủ (2021), *Văn bản số 8044/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ trả lời về Tờ trình của của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch về Hướng dẫn tạm thời thí điểm đón khách du lịch quốc tế đến Việt Nam*, Ban hành ngày 3 tháng 11 năm 2021.

World Tourism Cities Federation. (2020), *Report on recovery and development of world tourism amid COVID-19 officially published*, Retrieved September 15, 2020 from the World Tourism Cities Federation website: <https://en.wtcf.org.cn/News/WTCFNews/wzNews/2020090519583.html>

Zenker, S. & Kock, F. (2020). The coronavirus pandemic—a critical discussion of a tourism research agenda. *Tourism Management*, 81, 104164.

SEASONALITY AND TRENDS OF TOURISM TO THUA THIEN HUE

Nguyen Thi Le Huong, Phan Thanh Hoan

Abstract: The impact of the Covid-19 pandemic has made tourism activities in Thua Thien Hue province almost halted since the first months of 2020. However, the opportunity for tourism recovering is very positive when the epidemic is well controlled. Using secondary data to analyze the seasonality and trends of tourists, combined with some comments about tourism after the Covid -19 pandemic, the study suggests three recommendations to strengthen the adaptability for tourism activities of Thua Thien Hue province in the near future.

Keywords: Tourist; Seasonality in tourism; Covid -19 pandemic; Thua Thien Hue.